

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ vào Khoản 3, 5 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 609, 612, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 7, 9 Điều 26, Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn 13, xã Vụ B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hậu Đ, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn Thúy H, xã Thạch H, thành phố Hà T, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Đông Nam L, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954

+ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1968

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn Đông Nam L, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn 13, xã Vụ B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959

Trú tại: Xóm Yên L, xã Quang L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Trú tại: Khu tập thể nhà máy đường La N, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị H, sinh 1970.

Trú tại: Thôn Đông Nam L, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Ủy ban nhân dân xã Cẩm T, huyện C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngọc A, bà Phan Thị T, bà Nguyễn Thị D gồm 08 người, cụ thể: Ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T.

- Về di sản thừa kế: Là thửa đất số 529, tờ bản đồ số 08, diện tích 189m², địa chỉ: Thôn Quán K (thôn Đông Nam L), xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Cẩm X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngọc Anh ngày 14/3/2005; diện tích thực trạng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 (bao gồm diện tích đã được cấp giấy CNQSDĐ và diện tích nằm trong chỉ giới hành lang giao thông Quốc lộ 1A nhưng đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ) là 433,4m².

Các đương sự thỏa thuận, thống nhất chia di sản thừa kế thành 03 suất, giao cho ông Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Ngọc T quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc T được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 195,6m² (gồm: 103,9m² đã được cấp giấy CNQSDĐ; 91,7m² nằm trong chỉ giới hành lang giao thông Quốc lộ 1A nhưng đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ), tương đương với số tiền 880.200.000đồng, có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 1A, có chiều dài 7,2m.

+ Phía Nam giáp đất ông Lê Văn L, có chiều dài gồm 04 đoạn: đoạn 1 dài 0,32m, đoạn 2 dài 0,28m, đoạn 3 dài 5,96m, đoạn 4 dài 1,1m.

+ Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Ngọc T, có chiều dài 25,72m.

+ Phía Đông giáp phần đất được chia cho ông Nguyễn Ngọc C, có chiều dài 27,69m.

2.2. Ông Nguyễn Ngọc C được hưởng 01 suất thừa kế có diện tích 155,6m² (gồm: 79,8m² đã được cấp giấy CNQSDĐ; 75,8m² nằm trong chỉ giới hành lang giao thông Quốc lộ 1A nhưng đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ), tương đương với số tiền 700.200.000đồng, có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 1A, có chiều dài 06m.

+ Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị C, có chiều dài gồm 04 đoạn: đoạn 1 dài 0,76m, đoạn 2 dài 0,27m, đoạn 3 dài 4,34m, đoạn 4 dài 6,56m.

+ Phía Tây giáp phần đất được chia cho ông Nguyễn Ngọc T, có chiều dài 27,69m.

+ Phía Đông giáp phần đất nhà thờ, có chiều dài 19,31m.

2.3. Dành 01 suất thừa kế để sử dụng cho việc thờ cúng, hương hỏa (giao cho ông Nguyễn Ngọc C quản lý), có diện tích 82,2m² (gồm: 12,3m² đã được cấp giấy CNQSDĐ; 69,9m² nằm trong chỉ giới hành lang giao thông Quốc lộ 1A nhưng đủ điều kiện được cấp giấy CNQSDĐ), tương đương với số tiền 369.900.000đồng, có

tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 1A, có chiều dài 5,77m.
- + Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị C, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 1 dài 5,46m, đoạn 2 có dài 3,95m.
- + Phía Tây giáp phần đất được chia cho ông Nguyễn Ngọc C, có chiều dài 19,31m.
- + Phía Đông giáp đất ông S, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 1 dài 1,97m, đoạn 2 dài 8,59m, đoạn 3 dài 4,07m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo quyết định)

2.4. Ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện dời dọn toàn bộ các công trình, tài sản gia đình ông đã xây dựng nằm trên phần đất nay được chia cho ông Nguyễn Ngọc C để trả lại mặt bằng cho ông C.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trở lời hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí vì thuộc diện người cao tuổi (có xác nhận của chính quyền địa phương và tài liệu kèm theo). Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Ngọc C.

- Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 19.203.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THA.DS huyện Cẩm Xuyên;
- UBND huyện C;
- UBND xã Cẩm T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Hoàng